TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/ST-HNGĐ
Ngày: 24/04/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 616/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Yến L, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm: 1976
Địa chỉ: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Phan Thị Yến L vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn ông Ngô Minh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Yến L trình bày:

Bà Phan Thị Yến L và ông Ngô Minh T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 02/99 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/09/1999. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cả hai không tìm được nói

tiếng chung, bà L và ông T đều là những người nóng tính nên thường xuyên xảy ra việc cãi nhau. Bà L và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt nhưng không có kết quả, bà L và ông T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình và cảm thấy rất thoải mái. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống, bà L và ông T có hai con chung tên là Ngô Minh T1, sinh ngày: 23/11/1998 và Ngô Mỹ P, sinh ngày: 08/07/2008. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ngô Mỹ P và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Ngô Minh T1 đã trưởng thành nên bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Phía bị đơn ông Ngô Minh T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Bà Phan Thị Yến L được ly hôn với ông Ngô Minh T, giao con chung Ngô Mỹ P, sinh ngày 08/07/2008 cho bà Phan Thị Yến L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Phan Thị Yến L khởi kiện xin ly hôn với ông Ngô Minh T, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn", quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Ngô Minh T có nơi cư trú tại Quận 2, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Minh T đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, cụ thể như sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 616/2019/TB-TLVA ngày 23/12/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 23/12/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (do phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án) và Giấy triệu tập đương sự ngày 10/01/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2020, Giấy triệu tập đương sự ngày 05/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2020 và Giấy triệu tập đương sự ngày 27/3/2020.

Mặc dù ông T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng như trên nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Minh T.

Đối với việc nguyên đơn bà Phan Thị Yến L có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

Xét thấy nguyên đơn bà Phan Thị Yến L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ngô Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn bà Phan Thị Yến L yêu cầu ly hôn với ông Ngô Minh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ngô Mỹ P, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà L và ông T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 02/99 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/09/1999. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 về hoàn cảnh gia đình cũng như mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông T. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 trả lời không rõ về các thông tin này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã giải thích, động viên bà Phan Thị Yến L bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dạy con chung nhưng bà L không đồng ý quay về đoàn tụ mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc, yêu thương, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Giữa bà L, ông T đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cho đến nay vẫn chưa tìm được tiếng nói chung, năm 2018 ông T và bà L đã sống ly thân, ai cũng có cuộc sống riêng của mình, bà L còn trình bày việc các ông bà thường xuyên cãi nhau trong nhà, như vậy bà L, ông T đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Trích lục khai sinh số 136/TLKS-BS ngày 13/3/2019 và Giấy khai sinh số 204, quyển số 01/2008 ngày 21/7/2008, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L và ông T có hai con chung tên là Ngô Minh T1, sinh ngày: 23/11/1998 và Ngô Mỹ P, sinh ngày: 08/07/2008. Con chung Ngô Mỹ P là con gái, đang tuổi trưởng thành nên cần bàn tay giáo dục, chăm sóc của bà L để có thể phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý theo lứa tuổi, giữa ông T, bà L không có thỏa thuận khác về việc nuôi con, bà L cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ và căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngô Mỹ P của bà L. Đối với con chung Ngô Minh T1 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Bà Phan Thị Yến L không yêu cầu ông Ngô Minh T phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do bà Phan Thị Yến L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Yến L, ông Ngô Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Yến L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Yến L được ly hôn với ông Ngô Minh T.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Ngô Mỹ P, sinh ngày: 08/07/2008 cho bà Phan Thị Yến L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà Phan Thị Yến L không yêu cầu ông Ngô Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Thị Yến L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0027165 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 23/12/2019. Bà L đã nộp đủ tiền án phí, ông T không phải nộp tiền án phí.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị Yến L, ông Ngô Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND P. Bình Trưng Tây, Quận 2;
- Lưu hồ sơ – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực